CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Everland

Ngày 31/12/2025	8,210 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.6%	**-8.9%**	**31.8%**

DT thuần
Q4/25
545
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 358| 191%
YoY: ▲ 315| 137%

LN thuần
Q4/25
76.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 56.0| 279%
YoY: ▲ 68.5| 906%

LN sau thuế
Q4/25
60.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.4| 277%
YoY: ▲ 54.4| 911%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
13.3%
YoY: +/-▲ 8.0%

ROE
2025
2.7%
YoY: +/-▲ 1.6%

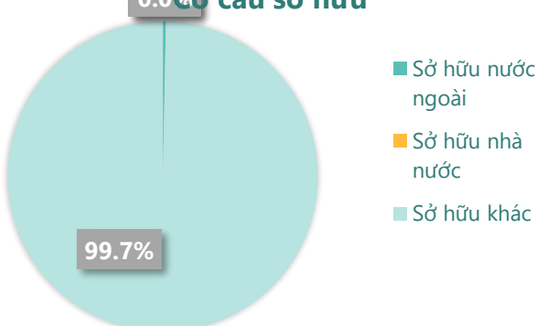
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,860 - 11,750
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,767
Số lượng CPLH (CP)	215,249,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,064,050
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.87
EPS	360
P/E	22.8

DT thuần
2025
1,119
tỷ VNĐ
YoY: ▼74.0| -6.2%

LN thuần
2025
127
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 75.2| 144%

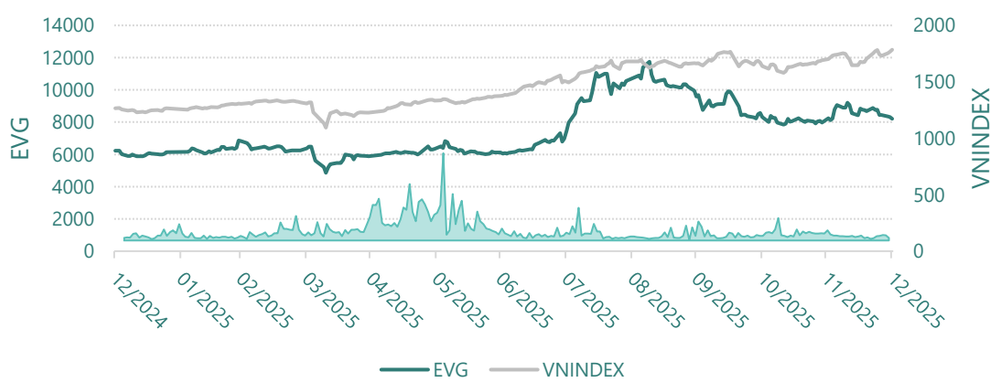
LN sau thuế
2025
98.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 64.8| 192%

Cơ cấu sở hữu

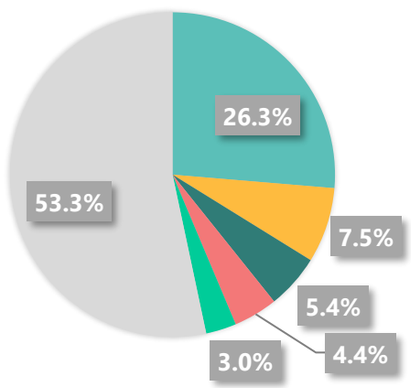


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



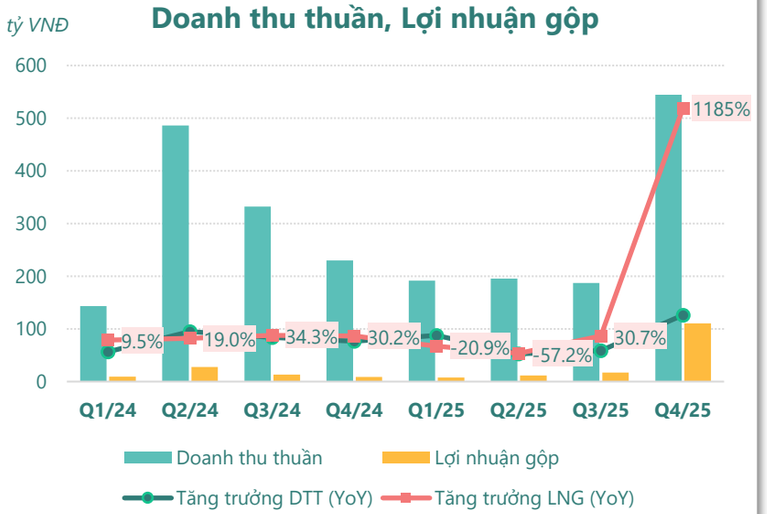
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

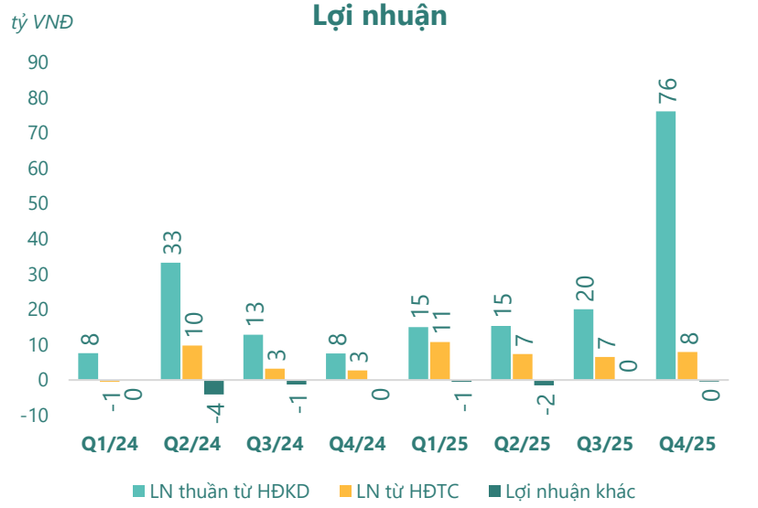
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



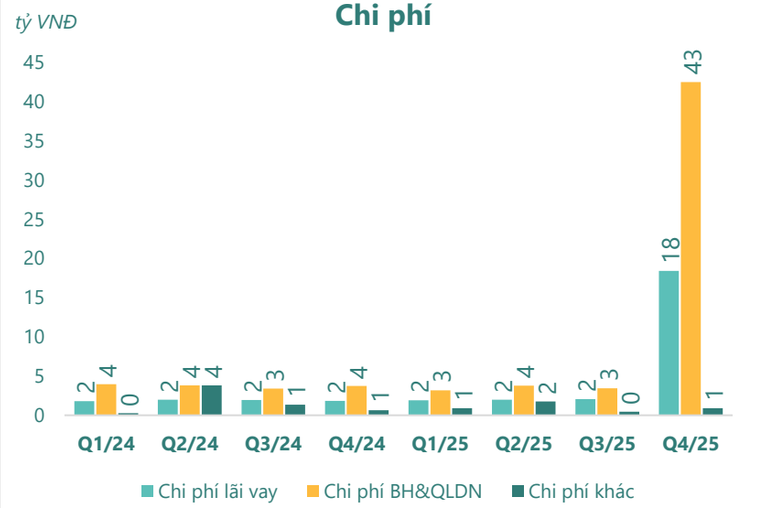
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



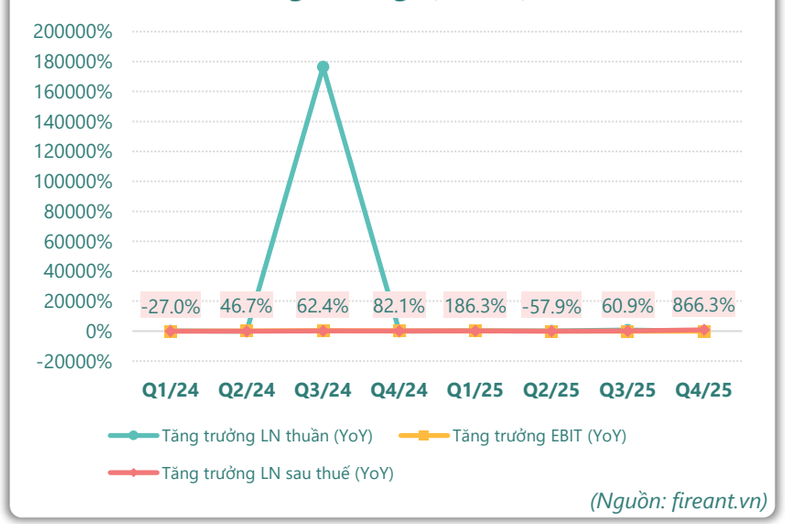
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



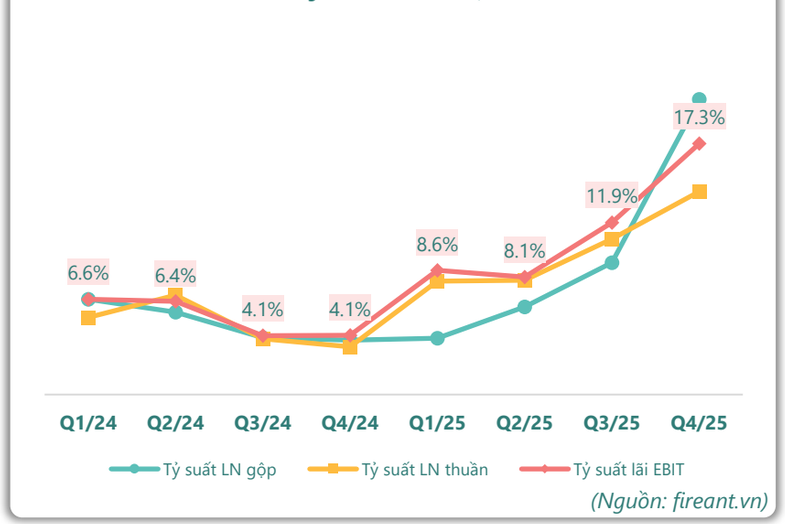
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



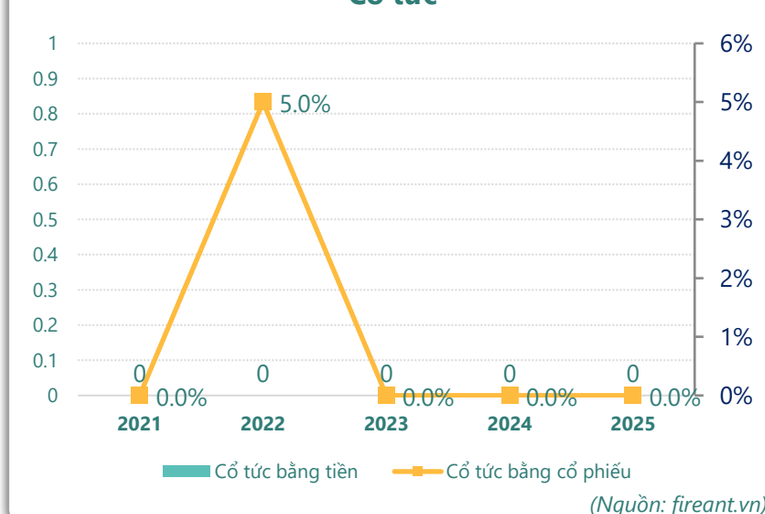
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

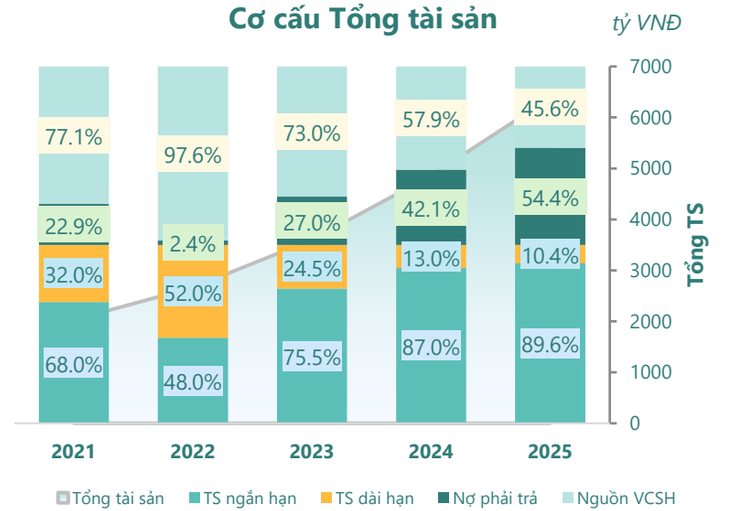
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

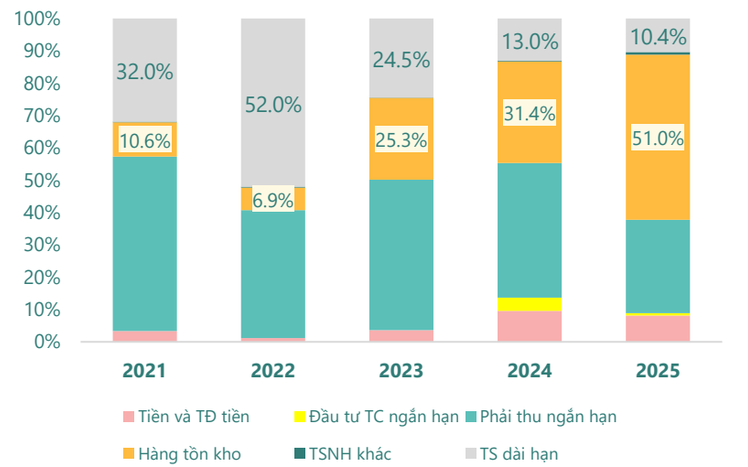
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



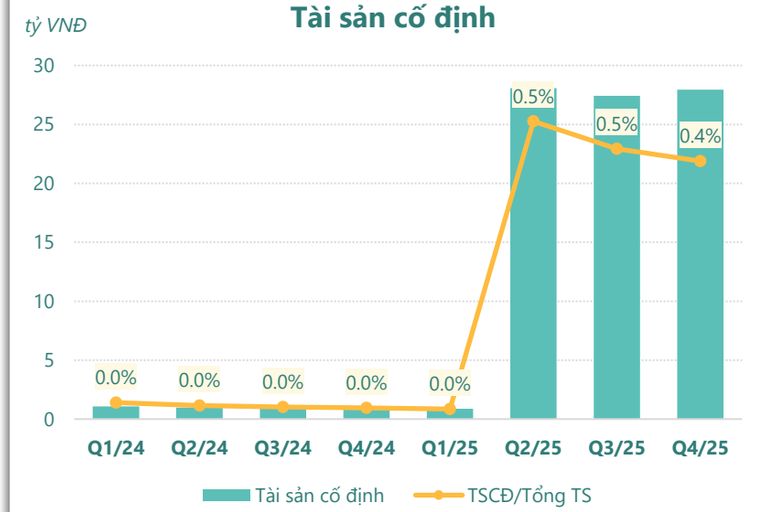
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



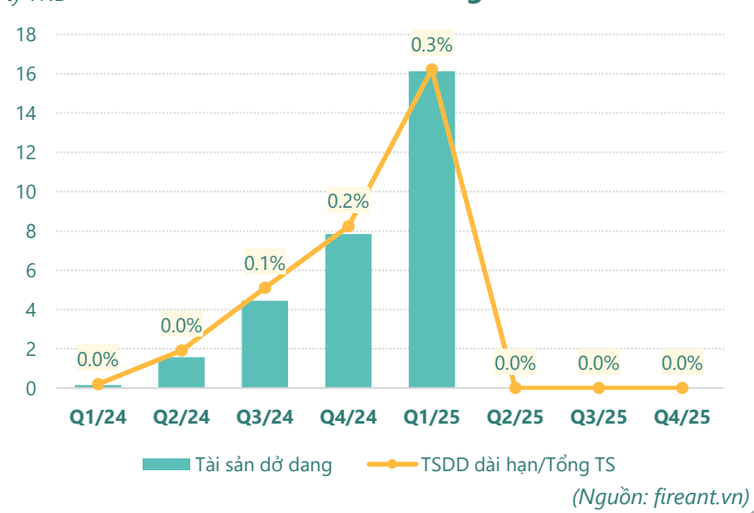
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



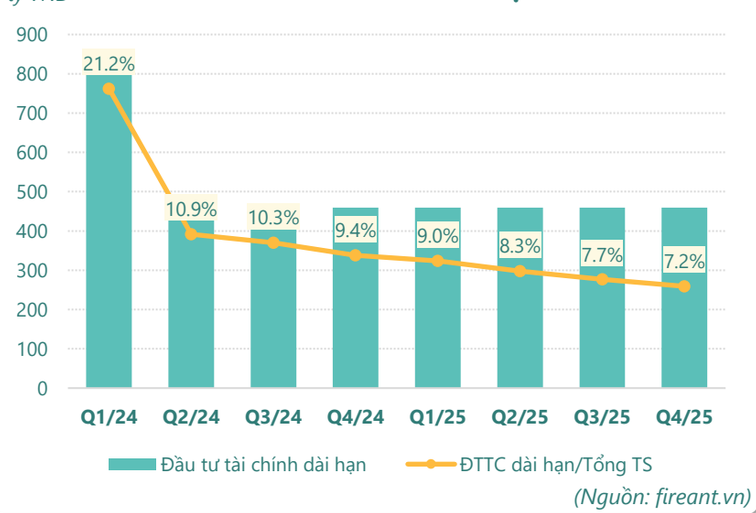
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



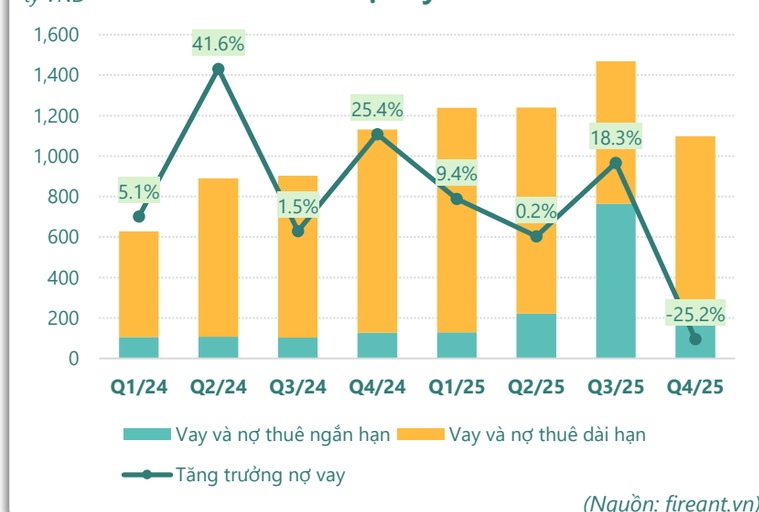
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

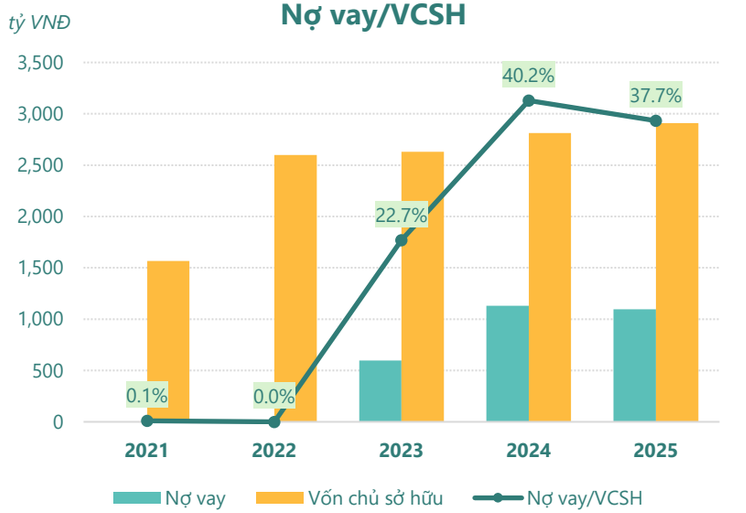
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

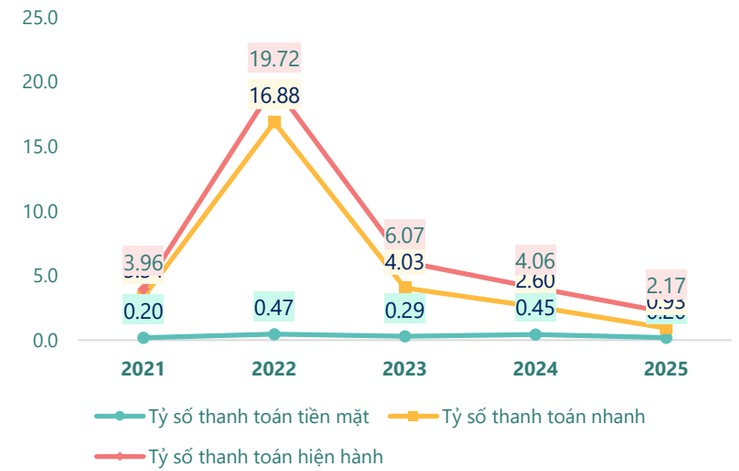
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



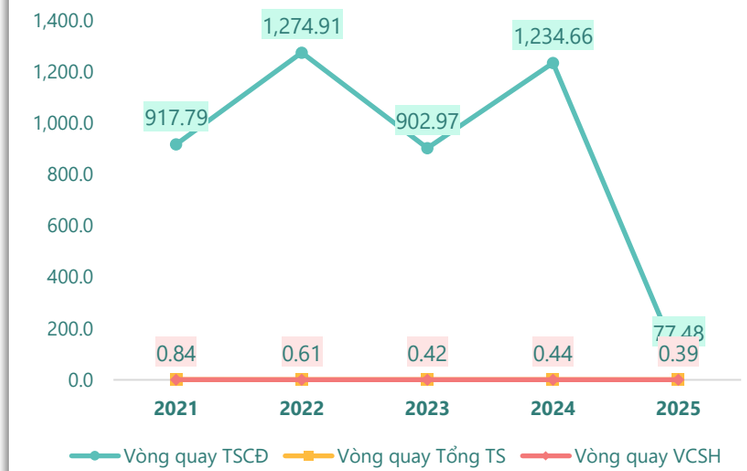
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



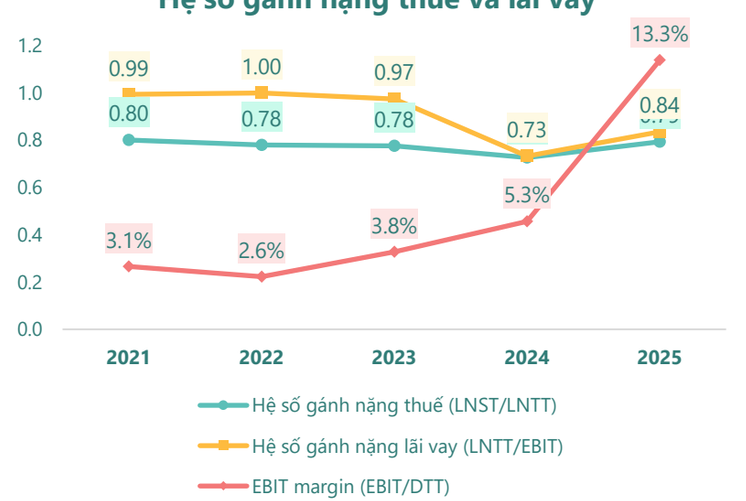
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



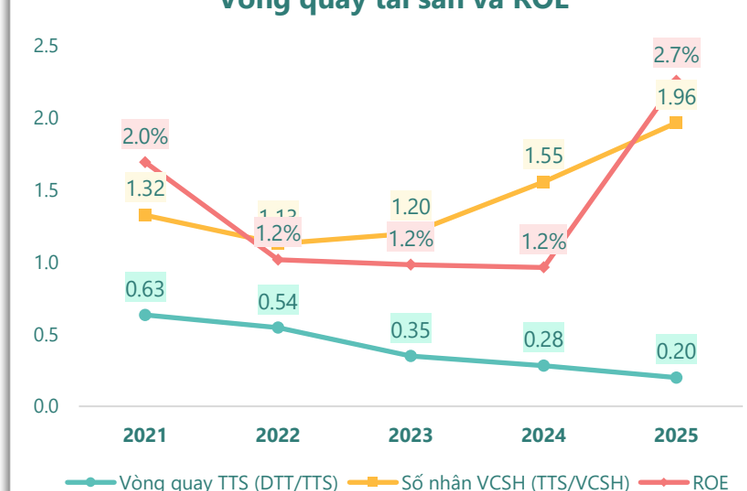
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



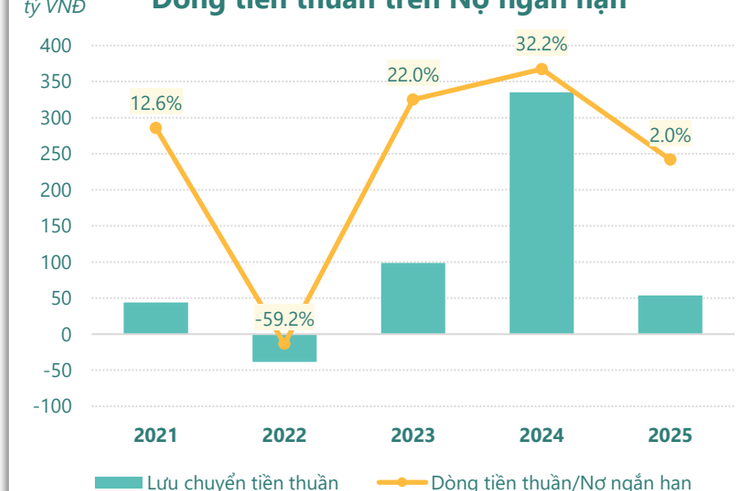
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**545**	**230**	**137%**	**1,119**	**1,193**	**-6.2%**
Giá vốn hàng bán	434	221	96.3%	972	1,134	-14.3%
Lợi nhuận gộp	111	8.62	1185%	147	58.7	151%
Doanh thu HĐTC	26.3	4.53	481%	56.9	23.0	148%
Chi phí TC	18.4	1.86	890%	24.4	17.0	43.6%
Chi phí lãi vay	18.4	1.85	896%	24.4	17.0	43.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**2.17**	**-100%**
Chi phí bán hàng	38.9	0.72	5306%	40.6	3.61	1024%
Chi phí QLDN	**3.60**	**3.01**	**19.6%**	**12.3**	**11.4**	**8.3%**
LN thuần từ HĐKD	76.1	7.57	906%	127	51.8	144%
Lợi nhuận khác	**-0.44**	**-0.04**	**-1000%**	**-2.45**	**-5.34**	**54.0%**
LN trước thuế	75.7	7.53	905%	124	46.5	167%
Lợi nhuận sau thuế	**60.4**	**5.97**	**911%**	**98.5**	**33.7**	**192%**
LNST của CĐ cty mẹ	**41.7**	**5.50**	**658%**	**77.4**	**31.4**	**146%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-93.9	-134	123	-35.4	-336	453
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-167	14.8	-158	60.2	-25.0	4.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	195	229	107	2.18	228	-371
Tiền đầu kỳ	428	362	464	536	563	430
Lưu chuyển tiền thuần	**-65.9**	**110**	**72.2**	**27.0**	**-133**	**87.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	362	471	536	563	430	518

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,385**	**4,859**	**31.4%**
Tài sản ngắn hạn	5,723	4,228	35.4%
Tiền và tương đương tiền	518	464	11.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	46.5	201	-76.8%
Phải thu ngắn hạn	1,849	2,021	-8.5%
Hàng tồn kho	3,256	1,525	113%
Tài sản ngắn hạn khác	53.6	16.5	225%
Tài sản dài hạn	**662**	**631**	**4.9%**
Phải thu dài hạn	1.76	66.0	-97.3%
Tài sản cố định	28.0	0.93	2893%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	7.90	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	460	460	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**173**	**96.4**	**79.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,475	2,046	69.8%
Nợ ngắn hạn	**2,641**	**1,041**	**154%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	264	127	108%
Phải trả người bán ngắn hạn	508	221	130%
Nợ dài hạn	834	1,005	-17.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	834	1,005	-17.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,910**	**2,813**	**3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**2,910**	**2,813**	**3.4%**
Vốn điều lệ	2,152	2,152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)